TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH SÓC TRĂNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:69/2019/DS-PT
Ngày: 17/6/2019
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- *Các Thẩm phán*:

1/ Ông Võ Hoàng Anh.

2/ Ông Phạm Hùng Nuôi.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Út - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*: Bà Trần Hồng Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2019/TLST-DS, ngày 14 tháng 5 năm 2019 về: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán*";

Do bản án sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST, ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 121/2019/QĐ-PT, ngày 30 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông A, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn*: Bà B, sinh năm 1965. (Giám đốc Hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp B). (Có mặt).

Địa chỉ: ấp H, thị trấn X, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo*: Của bị đơn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông A trình bày: Nguyên vào năm 2017 ông A có bán cho bà B số lượng Lục Bình khô cụ thể như sau:

+ Đợt 01: Ngày 14 tháng 8 năm 2017 ông A bán cho bà B số lượng Lục Bình khô là 1.802kg, giá mỗi ký là 14.000đ, thành tiền là 25.228.000đ, có biên nhận nhập kho. Bà B trả được 24.200.000đ, còn thiếu lại 1.028.000 đồng chưa thanh toán.

+ Đợt 02: Ngày 25/8/2017 ông A bán cho bà B 1.921 kg lục bình khô loại tốt (loại đạt), giá mỗi ký là 14.000đ, thành tiền là 26.894.000đ, và số lượng Lục Bình dạt (loại xấu) là 1.031kg, giá mỗi ký là 11.000đ, thành tiền là 11.341.000 đồng, tổng cộng số tiền bán lục bình của hai loại ngày 25/8/2017 là 26.894.000đ. Khi ông A chở lục bình qua hợp tác xã của bà B thì bà B không có mặt ở nhà nên có nhân viên của bà B nhập kho toàn bộ lô hàng này và có ra Phiếu xuất kho cho ông A, khoảng một tuần sau không thấy bà B chuyển tiền trả nên ông A điện thoại cho bà B đòi tiền thì bà B nói là lục bình của ông A bán cho bà bị ướt nên không chuyển trả tiền. Như vậy cả hai đợt bà B còn nợ ông A số tiền là 39.263.000 đồng chưa thanh toán.

Nay ông A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B hoàn trả lại cho ông số tiền là 39.263.000 đồng và tiền lãi từ ngày 11/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm vì khi hai bên giao kèo mua bán thì bà B hứa sau khi nhập hàng khoảng 02 tuần sau sẽ trả tiền. Nếu trả chậm phải tính lãi theo quy định pháp luật. Ngoài ra đối với yêu cầu phản tố của bà B ông A không đồng ý trả tiền lưu kho từ ngày 25/8/2017 đến hôm nay là 10.140.000 đồng vì ông A không gửi lục bình lại cho bà B lưu kho.

Tại phiên tòa ông A xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền bà B còn nợ của lần mua lục bình ngày 14/8/2017 số tiền là 1.028.000đ, chỉ yêu cầu bà B hoàn trả số nợ là 38.235.000đ cùng lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định. Ngoài ra ông A cho rằng khi ông giao hàng cho nhân viên của bà B thì do vội vàng đi về nên không xem kỹ phiếu xuất kho mà ông H đưa cho ông đáng lẽ ra phải là phiếu nhập kho mới đúng.

- *Bị đơn bà B trình bày:* Trước đây bà B có nhu cầu mua Lục Bình khô thì ông A điện thoại lại cho bà nói có lục bình đẹp thì đem mẫu qua cho bà B xem được thì bà B sẽ mua. Đến ngày 14/8/2017 ông A có chở Lục bình qua bán nhưng số lượng bao nhiêu thì bà không nhớ nhưng có một số Lục bình bị ướt, do đó bà B đã trừ số tiền lục bình ướt, số tiền còn lại bà B đã thanh toán xong cho ông A không còn nợ. Sau đó 25/8/2017 ông A có chở số lượng Lục Bình khô là 1.921 kg và lục bình dạt là 1.031 kg qua cơ sở của bà tại xã Đ thì nhân viên của bà B báo lại cho bà B biết là ông A chở lục bình bị ướt nên bà B có kêu ông H là cấp dưới của bà cứ tạm nhập kho số lục bình của ông A chở đến khi nào về bà tính lại. Ba ngày sau bà B về thì thấy lục bình bị ướt nên điện thoại cho ông A qua chở về thì ông A không bắt máy và khoảng một tháng sau ông A điện thoại đòi bà trả tiền.

Nay ông A khởi kiện yêu cầu bà hoàn trả số tiền 38.235.000đ bà B không đồng ý bởi vì bà không mua lục bình của ông A. Ngoài ra bà B có yêu cầu phản tố yêu cầu ông A trả tiền lưu kho từ ngày 25/8/2017 đến hôm nay là 10.140.000 đồng. Hiện nay do lục bình đã hư hỏng một phần nên bà B đã tiêu hủy, phần còn lại bà B đang quản lý yêu cầu Tòa án xác minh phần này.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST ngày 05/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357; Điều 430; Điều 440; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 và khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A. Buộc bà B phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông A số tiền còn nợ tổng cộng vốn lãi là 44.225.149đ (*Bốn mươi bốn triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn một trăm bốn mươi chín đồng).*

Kể từ khi bản án có hiệu lực phát luật và ông A có đơn yêu cầu thi hành án, bà B không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà B còn phải trả cho ông A số tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà B về việc yêu cầu ông A thanh toán số tiền lưu kho là 10.140.000đ (*Mười triệu một trăm bốn mươi ngàn đồng).*

- Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn hoàn trả tiền 1.028.000đ (*Một triệu không trăm hai mươi tám ngàn đồng),* nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cao theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/4/2019, bị đơn bà B có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST, ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện của ông A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút lại yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn đồng thời căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn bà B là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 275 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Về nội dung**:**

[2.1] Nguyên đơn cho rằng vào ngày 14/8/2017 ngyên đơn có bán cho bà B số lượng cây Lục Bình khô là 1.802kg, giá 01kg là 14.000đ, thành tiền là 25.228.000đ, sau đó bà B có thanh toán cho ông A được số tiền là 24.200.000đ số còn lại 1.028.000đ chưa thanh toán. Đến ngày 25/8/2017 ông A bán cho bà B số lượng Lục Bình loại tốt và loại dạt tổng cộng là 2.952kg, thành tiền là 38.253.000đ. Tổng cộng cả hai đợt bán lục bình bà B còn nợ nguyên đơn số tiền là 39.263.000đ chưa thanh toán. Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền 1.028.000đ, chỉ yêu cầu bà B phải trả cho nguyên đơn số tiền

bán Lục Bình ngày 25/8/2017 cho bà B là 38.235.000đ, đồng thời phải trả số tiền lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật kể từ ngày 11/9/2017 đến khi xét xử.

[2.2] Phía bị đơn thừa nhận có mua Lục Bình khô của ông A 02 đợt, tuy nhiên đợt thứ nhất bị đơn đã thanh toán xong cho ông A hiện không còn nợ ông A số tiền nào. Còn đợt thứ hai thì do ông A giao Lục Bình cho bị đơn là Lục Bình bị ướt nên phía bị đơn không sử dụng được, bị đơn có điện thoại kêu ông A đến chở về nhưng ông A không chở về nên bị đơn đã tiêu hủy một phần, phần còn lại hiện nay bị đơn vẫn đang quản lý. Nay bị đơn không đồng ý trả tiền cho ông A đồng thời có yêu cầu phản tố yêu cầu ông A hoàn trả tiền lưu kho số tiền là 10.140.000đ. Cấp sơ thẩm đã giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi của nguyên đơn buộc bị đơn bà B có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền mua bán Lục Bình và tiền lãi tổng cộng là 44.225.149đ và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Không đồng ý với bản án sơ thẩm bị đơn Bích đã kháng cáo yêu cầu ấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn B, thì thấy:

[3.1] Bị đơn cho rằng vào ngày 25/8/2017 nguyên đơn giao lục bình cho bị đơn nhưng không đạt chất lượng nên bị đơn yêu cầu nguyên đơn đến chở hàng về nhưng nguyên đơn không đến nên bị đơn mới tiêu hủy một phần, phần còn lại hiện đã hư hỏng nên không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy, bị đơn cho rằng lục bình bị hư hỏng nên đã tiêu hủy và có cung cấp cho Tòa án Biên bản xử lý ngày 27/9/2018, việc tiêu hủy này xảy ra ngày 29/9/2018 (BL 29, 30, 31) là hơn một năm sau kể từ khi hai bên giao dịch mua bán lục bình với nhau (ngày 25/8/2017). Bị đơn cho rằng không mua lục bình của nguyên đơn nhưng ngày 25/8/2017 phía bị đơn có lập phiếu xuất kho thể hiện người nhận là ông H (về nguyên tắc là nhập kho), ông H là cấp dưới của bà B nhận số lượng hàng trên phiếu này phù hợp với số lượng ông A đã khởi kiện (BL25), bị đơn cũng thừa nhận là khi ông A chở lục bình đến ông H là phó Giám đốc hợp tác xã có điện thoại cho bà B biết là lục bình bị ẩm ướt nhưng bà B vẫn kêu ông A nhập vào kho số lục bình của ông A, tại phiên Tòa hôm nay bị đơn cũng khẳng định chỉ có bà mới có quyền quyết định mua lục bình. Việc bị đơn cho rằng do hàng không đạt chất lượng nên không đồng ý trả tiền là không có căn cứ làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Ngoài lời trình bày của bị đơn Bích thì không có chứng cứ gì chứng minh là bị đơn không đồng ý mua hàng của ông A. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn Bích cũng không có chứng cứ gì để chứng minh là số hàng lục bình nêu trên bà không mua của ông A. Vì vậy, kháng cáo của bà B là không có căn cứ Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3.2] Về giá của Lục bình trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự cũng thừa nhận giá của lục bình loại tốt là 14.000đ/kg còn loại xấu là 11.000đ/kg, theo phiếu xuất kho ông H ký nhận thì có 1.921kg dây lục bình loại đạt và 1.031kg dây lục bình loại xấu. Do đó cấp sơ thẩm buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho bị đơn khoản tiền còn nợ là 38.235.000đ là có căn cứ và đúng với quy định của pháp luật.

[3.3] Về trách nhiệm trả tiền theo các bên trình bày thì đây chỉ là giao dịch giữa cá nhân bà B với ông A, bà B cũng khẳng định chỉ có cá nhân bà mới có quyền

quyết định và cũng đã thực hiện nhiều lần nên cấp sơ thẩm buộc cá nhân của bà B phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ cho ông A là có căn cứ.

[3.4] Đối với yêu cầu tính lãi suất do chậm trả tiền. Theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự có quy định "Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả" và cấp sơ thẩm xác định mức lãi suất phát sinh là 10%/năm là phù hợp với khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn theo phiếu xuất kho nguyên đơn cung cấp là ngày 11/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 01 năm 06 tháng 24 ngày với số tiền lãi là: 5.990.149đ.(*Năm triệu chín trăm chín mươi ngàn một trăm bốn mươi chín đồng*) là có căn cứ.

[3.5] Từ những phân tích trên thấy rằng kháng cáo của bị đơn B là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Đề nghị của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa về việc không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các phần khác của trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của bà B không được chấp nhận nên bà B phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà B. Giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 05/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng, phần tuyên xử như sau:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357; Điều 430; Điều 440; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 và khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A.

- Buộc bà B phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông A số tiền còn nợ tổng cộng vốn lãi là 44.225.149đ (*Bốn mươi bốn triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn một trăm bốn mươi chín đồng).*

Kể từ khi bản án có hiệu lực phát luật và ông A có đơn yêu cầu thi hành án, bà B không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà B còn phải trả cho ông A số tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà B về việc yêu cầu ông A thanh toán số tiền lưu kho là 10.140.000đ (*Mười triệu một trăm bốn mươi ngàn đồng).*

- Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn hoàn trả tiền 1.028.000đ (*Một triệu không trăm hai mươi tám ngàn đồng),* nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 981.000đ theo biên lại thu số 0002586, ngày 16/07/2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Án phí phúc thẩm: Bà B phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà B đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005533, ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

5. Bản án này có hiệu lực thi hành ngay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Võ Hoàng Anh **Phạm Hùng Nuôi** **Tôn Thị Thanh Thúy**